

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 832/TTr-SKHCHN ngày 15/7/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h); (VBĐT)
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT.HĐND tỉnh, Ban PC HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Công Thông tin ĐT tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT;
- Lưu: VT, HL, DL, 13

**CHỦ TỊCH**



Lê Đức Vinh



**LIÊN MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Sở hữu Trí tuệ</b>				
1	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án do địa phương quản lý).  (BKHVCN-282575)	- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập tổ chức hợp hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và tổ chức họp Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hiệu chỉnh; - Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đã được hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định; - Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp dự án: Trong thời hạn 05	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ .	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; - Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và

		ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.			<p>công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>- Quyết định số 2306/QĐ-BKHHCN ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
2	<p>Thủ tục đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án do địa phương quản lý).</p> <p>(BKHVCN-282576)</p>	<p>- Thay đổi thời gian thực hiện dự án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì dự án;</p> <p>- Các thay đổi, điều chỉnh khác: Trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ</p>	không	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 03/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.</p> <p>- Quyết định số 2306/QĐ-BKHHCN ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý</p>

3	<p>Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án do địa phương quản lý)</p> <p><b>(BKHCN-282577)</b></p>	<p>- Thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt hợp đồng hợp lệ.</p> <p>- Xem xét, ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng thực hiện dự án: Sau khi tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường. Trường hợp cần thiết phải tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.</p>	<p>Không</p>	<p>của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</li> <li>- Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;</li> <li>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.</li> <li>- Quyết định số 2306/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</li> </ul>
---	---	---	---	--------------	--

4	<p>Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án do địa phương quản lý).</p> <p><b>(BKHVCN-282578)</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;</li> <li>- Tổ chức chủ trì dự án bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Thành lập hội đồng: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hợp lệ;</li> <li>- Tổ chức họp hội đồng: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng;</li> <li>- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu công nhận kết quả thực hiện dự án.</li> </ul>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ .</p>	<p>không</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;</li> <li>- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;</li> <li>- Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</li> <li>- Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;</li> <li>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.</li> <li>- Quyết định số 2306/QĐ-BKHHCN ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực</li> </ul>
---	---	--	--	--

					sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
<b>II Lĩnh vực Hoạt động Khoa học và Công nghệ</b>					
1	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ. (BKHVCN-282582)	-05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; -Trường hợp bổ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ .	Không	- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 395/QĐ-BKHHCN ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

### B. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</b>					
1	Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa,	- Trường hợp hàng nguy hiểm có số lượng nhỏ hơn hoặc bằng mức quy định tại cột 7 Phụ lục 1 Thông tư số 44/2012/TT-BCT: + Thời gian giải quyết tối đa 05	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học	Theo quy định hiện hành	- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007. - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10 tháng 3

	<p>các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa. <b>(BKHV CN-KHA - 282382)</b></p>	<p>ngày làm việc nếu không phải bổ sung hồ sơ. + Thời gian giải quyết tối đa 35 ngày làm việc nếu phải bổ sung hồ sơ. - Trường hợp hàng nguy hiểm có số lượng lớn hơn mức quy định tại cột 7 Phụ lục 1 Thông tư số 44/2012/TT-BCT. + Nếu không phải bổ sung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thời gian giải quyết tối đa 17 ngày làm việc nếu hồ sơ phù hợp, không có các điểm không phù hợp qua thẩm định.</li> <li>• Thời gian giải quyết tối đa 52 ngày làm việc nếu phải khắc phục các điểm không phù hợp qua thẩm định.</li> </ul> <p>+ Nếu phải bổ sung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thời gian giải quyết tối đa 47 ngày làm việc nếu hồ sơ phù hợp, không có các điểm không phù hợp qua thẩm định.</li> <li>• Thời gian giải quyết tối đa 82 ngày làm việc nếu phải khắc phục các điểm không phù hợp qua thẩm định.</li> </ul>	<p>và Công nghệ</p>	<p>của pháp luật về phí, lệ phí.</p>	<p>năm 2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa. - Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 26/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt. - Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa - Thông tư số 09/2018/TT-BKHCN ngày 01 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của</p>
2	<p>Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng</p>	<p>- Trường hợp hàng nguy hiểm có số lượng nhỏ hơn hoặc bằng mức quy định tại cột 7 Phụ lục 1 Thông tư số</p>			

	<p>nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p><b>(BKHCN-KHA - 282383)</b></p>	<p>44/2012/TT-BCT:</p> <p>+ Thời gian giải quyết tối đa 05 ngày làm việc nếu không phải bổ sung hồ sơ.</p> <p>+ Thời gian giải quyết tối đa 35 ngày làm việc nếu phải bổ sung hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp hàng nguy hiểm có số lượng lớn hơn mức quy định tại cột 7 Phụ lục 1 Thông tư số 44/2012/TT-BCT:</p> <p>+ Nếu không phải bổ sung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thời gian giải quyết tối đa 17 ngày làm việc nếu hồ sơ phù hợp, không có các điểm không phù hợp qua thẩm định.</li> <li>• Thời gian giải quyết tối đa 52 ngày làm việc nếu phải khắc phục các điểm không phù hợp qua thẩm định.</li> </ul> <p>+ Nếu phải bổ sung hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Thời gian giải quyết tối đa 47 ngày làm việc nếu hồ sơ phù hợp, không có các điểm không phù hợp qua thẩm định.</li> <li>• Thời gian giải quyết tối đa 82 ngày làm việc nếu phải khắc phục các điểm không phù hợp qua thẩm định.</li> </ul>		<p>Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09 tháng 6 năm 2016 quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p>- Quyết định số 2138/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>
3	Thủ tục cấp lại	- Đối với hồ sơ đầy đủ và hợp lệ:		



	<p>Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p>(BKHVCN-KHA - 282384)</p>	<p>Thời hạn giải quyết là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p> <p>- Đối với hồ sơ không đầy đủ phải yêu cầu bổ sung hồ sơ: Thời hạn giải quyết tối đa là 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.</p>			
<b>II Lĩnh vực hoạt động Khoa học và Công nghệ</b>					
I	<p>Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</p> <p>(BKHVCN-KHA-282108)</p>	<p>-10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;</p> <p>-Trường hợp kết quả khoa học và công nghệ có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau có nội dung phức tạp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ .</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;</p> <p>- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ;</p> <p>- Quyết định số 395/QĐ-BKHVCN ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p>

**C. Danh mục thủ tục hành chính bãi bỏ**

STT	Mã số	Tên TTHC	Quyết định công bố TTHC	Văn bản QPPL quy định bãi bỏ TTHC
1	BKHVC N-KHA -282136	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định số 281/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá. - Quyết định số 3727/QĐ-BKHVCN ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	BKHVC N-KHA- 282109	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.		- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ. - Quyết định số 395/QĐ-BKHVCN ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ
3	BKHVC N-KHA- 282110	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.		